TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/DS-ST
Ngày: 19-6-2018
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Bỉ.

2. Ông Võ Ngọc Cơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2018/TLST-DS, ngày 13 tháng 02 năm 2018, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-DS, ngày 03/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-DS, ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Hồ Thị Yến N**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số x Ấp x, xã A, huyện T, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: **Ông Hồ Quang P**, sinh năm: 1963. Địa chỉ: Số x Ấp x, xã A, huyện T, tỉnh L. Đại diện theo ủy quyền "văn bản uỷ quyền ngày 09 tháng 02 năm 2018". Có mặt.

2. Bị đơn: **Bà Phạm Thị Ngọc T**, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số xx ấp B, xã B, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ông Nguyễn Văn C**, sinh năm 1972. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Số xx ấp B, xã B, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 29/01/2018 của bà Hồ Thị Yến N và những lời trình bày tiếp theo của đại diện nguyên đơn là ông Hồ Quang P như sau: Do có quen biết nên bà N có cho bà Phạm Thị Ngọc T vay số tiền 136.000.000đ, cụ thể như sau:

Tháng 7/2015 bà T vay số tiền là 96.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, bà T có trả 3 tháng tiền lãi, thời gian vay từ 3 đến 6 tháng hoàn trả triền nợ gốc, mục đích là mua bán gà vịt. Bà T có ký tên trong giấy nợ.

Ngày 08/9/2015 bà T vay thêm số tiền 40.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, thời gian vay từ 3 đến 6 tháng hoàn trả triền nợ gốc, mục đích là mua bán gà vịt. Bà T có ký tên trong giấy nợ 136.000.000đ cùng với khoản vay vào tháng 7/2015.

Đến thời gian trả nợ gốc thì bà N có yêu cầu bà T trả nợ, bà T hẹn bán đất sẽ trả nhưng bà T không trả vốn và lãi. Bà N yêu cầu bà T hoàn trả số tiền vốn vay còn nợ là 136.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Tại đơn khởi kiện thì bà N có yêu cầu ông C phải có trách nhiệm cùng bà T trả nợ nhưng nay ông xác định rút một phần yêu cầu, không yêu cầu ông C cùng bà T trả nợ cho bà N.

2/ Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C có đơn xin vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 30/3/2018 có ý kiến như sau: Bà N khởi kiện yêu cầu bà T và ông trả số tiền 136.000.000đ, ông không đồng ý. Ngày 22/4/2015 ông và bà T đã có quyết định ly hôn. Tháng 7 và 9/2015 bà T vay nợ của bà N sử dụng vào mục đích gì thì ông hoàn toàn không biết, ông không có nhận số tiền này.

Tại phiên tòa:

Đương sự trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm và vẫn giữ ý kiến, yêu cầu như tóm tắt nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà Phạm Thị Ngọc T vẫn vắng mặt và ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông C theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Hồ Thị Yến N khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc T phải trả số tiền vay còn nợ. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Mặc dù, bà Phạm Thị Ngọc T vắng mặt nhưng đã được Tòa án niêm yết đầy đủ các thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Đồng thời Tòa án cũng niêm yết công khai các chứng cứ nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện gồm: 02 Giấy cho vay tiền tháng 7/2015 và ngày 08/9/2015. Sau khi niêm yết công khai các văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ nêu nêu trên, bà T cũng không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Mặc khác, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ là giấy cho vay tiền có chữ ký của bà Phạm Thị Ngọc T vào tháng 7/2015 với nội dung "Bên A: Bên cho vay Hồ Thị Yến N. …Bên B: Bên vay Phạm Thị Ngọc T… Bên A đồng ý cho bên B vay tiền với nội dung sau: số tiền cho vay 96.000.000đ…" và giấy cho vay tiền ngày 08/9/2015 với nội dung: "Bên A: Bên cho vay Hồ Thị Yến N… Bên B: Bên vay Phạm Thị Ngọc T… Bên A đồng ý cho bên B vay tiền với nội dung sau: số tiền cho vay 136.000.000đ…." xác định hiện bà T có nợ của bà N số tiền vốn vay là 136.000.000đ. Nay bà N yêu cầu bà T trả số tiền 136.000.000đ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án bà N yêu cầu ông Nguyễn Văn C liên đới cùng bà T trả nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Phúc rút yêu cầu không yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn C cùng bà Phạm Thị Ngọc T hoàn trả số tiền vay. Việc rút lại yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Về tiền lãi: Ông P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị Ngọc T phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà Hồ Thị Yến N là 136.000.000đ x 5%.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Hồ Thị Yến N đối với bà Phạm Thị Ngọc T.

Buộc bà Phạm Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị Yến N số tiền vay còn nợ là 136.000.000đ (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng). Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Hồ Thị Yến N, nếu chậm thi hành, bà Phạm Thị Ngọc T phải trả thêm tiền lãi cho bà Hồ Thị Yến N theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Đình chỉ yêu cầu của bà Hồ Thị Yến N yêu cầu ông Nguyễn Văn C cùng trả nợ với bà Phạm Thị Ngọc T. Bà Hồ Thị Yến N được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đình chỉ này.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Ngọc T phải chịu 6.800.000đ (Sáu triệu, tám trăm nghìn đồng).

- Bà Hồ Thị Yến N không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Nhi số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.400.000đ (Ba triệu, bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006266, ngày 13/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Tân Trụ;
-THA DS huyện Tân Trụ;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thoa